TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **942**/2019/KDTM-PT
Ngày: 22-10-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Bùi Ngọc Anh**

Các Thẩm phán: **Bà Phùng Thị Như Mai**

Bà Vũ Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: **Bà Trịnh Ngọc Hân** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Ông Nguyễn Văn Lân – Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 9; ngày 14 và ngày 22 tháng 10 năm 2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2013/TLPT-KDTM ngày 01 tháng 02 năm 2013 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 170/2012/KDTM-ST ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Toà án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3540/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V Bank)

Địa chỉ: Tầng 8, 9, 10 Tòa nhà V Tower, số 198B đường S, phườngcS1, Thành phố Hà Nội.

Đại diện: Ông Lý Xuân T,

Giấy ủy quyền số 10032.19 ngày 18-4-2019

Bị đơn: Bà Phạm Thị Q

Địa chỉ: 93/6/3 đường T, phường T1, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Trường X, sinh năm 1962.
2. Bà Lê Thị C, sinh năm 1972.
3. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1932.
4. Bà Phạm Thị Phương D', sinh năm 1968.
5. Bà Phạm Thị C', sinh năm 1957.

6. Bà Nguyễn Phạm Phương T, sinh năm 1982.
7. Ông Phạm Đức M, sinh năm 1966.
8. Bà Đào Thị Đ, sinh năm 1972.
9. Ông Phạm Quốc V, sinh năm 1959.
10. Bà Trịnh Thị Ngọc H, sinh năm 1963.
11. Bà Phạm Thị Diễm H', sinh năm 1985.
12. Bà Phạm Thị Diễm H'', sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: 93/6/3 Trần Tấn, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do có kháng cáo của bà Phạm Thị Q, ông Phạm Quốc Việt và bà Trịnh Thị Ngọc Huệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

I- Tóm tắt nội dung vụ án theo bản án sơ thẩm:

1) Nguyên đơn trình bày:

Ngày 19-4-2011, Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Ngân hàng V) và bà Phạm Thị Q ký hợp đồng tín dụng số 0100/2011/VIB.AC với nội dung: Ngân hàng V cho bà Q vay số tiền 1.500.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh cửa hàng trang trí nội thất; thời hạn vay là 12 tháng; lãi suất vay: 22%/năm.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay: Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 93/6/3 đường T, phường T1, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 3963/2007/UB.GCN do Ủy ban nhân dân quận Tân Phú cấp ngày 02-7-2007 cho bà Phạm Thị Q.

Tính đến ngày 21-12-2012, bà Phạm Thị Q còn nợ Ngân hàng V tổng cộng là 2.238.369.452 đồng, gồm:

- Nợ vốn vay: 1.500.000.000 đồng;

- Lãi chậm thanh toán là 738.369.452 đồng.

Ngân hàng yêu cầu bà Q bàn giao tài sản bảo đảm để phát mãi thu hồi nợ nhưng bà Q không thực hiện nên đã khởi kiện.

Yêu cầu bà Q trả số nợ trên và yêu cầu thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực thi hành. Nếu bà Q không thanh toán thì yêu cầu phát mãi tài sản mà bà Q đã thế chấp cho ngân hàng là căn nhà số 93/6/3 đường T, phường T1, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh.

2) Bà Phạm Thị Q trình bày:

Bà Q xác nhận ngày 19-4-2011 có ký Hợp đồng tín dụng số 0100/2011/VIB.AC vay của Ngân hàng TMCP V số tiền là 1.500.000.000 đồng. Tài sản thế chấp để đảm bảo số nợ vay là căn nhà số 93/6/3 đường T, phường

T1, quận T2 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3963/2007/UB.GCN do Ủy ban nhân dân quận Tân Phú cấp ngày 02-7-2007.

Bà Q vay số tiền này nhưng không trực tiếp sử dụng mà người sử dụng là em gái bà, tên là H. Bà Q xác nhận nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nhưng hiện hoàn cảnh khó khăn nên yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3) Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Quốc V và bà Trần Thị Ngọc H trình bày:

Căn nhà số 93/6/3 đường T, phường T1, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh bà Q đã bán một phần cho ông bà và các anh em trong gia đình, nên việc bà Q đem căn nhà thế chấp cho ngân hàng là không đúng, yêu cầu được tranh chấp quyền sở hữu nhà đối với bà Q.

- Ông Phạm Trường X, bà Lê Thị C, ông Phạm Đức Minh, bà Đào Thị Định trình bày:

Căn nhà bà Q đem thế chấp cho Ngân hàng V trước đây đã bán một phần cho các ông bà nên việc bà Q đem thế chấp cho Ngân hàng là không đúng, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét.

II- Quyết định của bản án sơ thẩm:

- Buộc bà Phạm Thị Q phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số nợ gốc là 1.500.000.000 đồng và nợ lãi là 738.369.452 đồng, tổng cộng là 2.238.369.452 đồng, trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực thi hành.

Ngay khi bà Phạm Thị Q thanh toán đủ số tiền, Ngân hàng thương mại cổ phần V có trách nhiệm làm thủ tục giải chấp và giao trả cho bà Phạm Thị Q các giấy tờ bản chính của căn nhà số 93/6/3 Trần Tấn, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Gồm giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 797672701016122 ngày 02/7/2007 do ủy ban nhân dân quận Tân Phú cấp; Tờ thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất ngày 05-7-2007.

Trong trường hợp bà Phạm Thị Q không thanh toán số nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là căn nhà số 93/6/3 Trần Tấn, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Phạm Thị Q đứng tên sở hữu đã thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần V hợp đồng thế chấp số 01000/2011-VIBAC/BĐ, ngày 19-4-2011 được chứng nhận giao dịch đảm bảo ngày 19-4-2011 tại Phòng công chứng nhà nước số 4, Thành phố Hồ Chí Minh, chứng nhận số công chứng 016260; quyển số 04TP/CC-SCC.HĐGD ngày 19-4-2011 để thu hồi nợ.

Kể từ ngày 22-12-2012, Ngân hàng thương mại cổ phần V tiếp tục tính lãi quá hạn của số nợ gốc trên số tiền vay 1.500.000.000 đồng cho đến khi bà Q

thanh toán xong số tiền kể trên theo mức lãi suất đã được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0100/2011/VIB.AC ngày 19-4-2011.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo.

III- Kháng cáo:

- Đơn kháng cáo ngày 03-01-2013 của bà Phạm Thị Q: Kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét quyền lợi của bà Q trong bản án sơ thẩm.

- Đơn kháng cáo ngày ngày 28-12-2012 của bà Trịnh Thị Ngọc Huệ và ông Phạm Quốc Việt: Kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

IV- Tại phiên tòa phúc thẩm:

1) Bà Phạm Thị Q trình bày:

Bà Q xác nhận có ký hợp đồng tín dụng vay Ngân hàng V số tiền 1.500.000.000 đồng và thế chấp tài sản là căn nhà số 93/6/3 đường T, phường T1, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Phạm Thị Q đứng tên sở hữu cho Ngân hàng thương mại cổ phần V theo Hợp đồng thế chấp số 01000/2011-VIBAC/BĐ, ngày 19-4-2011 được chứng nhận giao dịch đảm bảo ngày 19-4-2011 tại Phòng công chứng nhà nước số 4, Thành phố Hồ Chí Minh, chứng nhận số công chứng 016260; quyển số 04TP/CC-SCC.HĐGD ngày 19-4-2011. Tài sản thế chấp này do bà Nguyễn Thị D (là mẹ ruột bà Q) mua và để bà kê khai và đứng tên.

Năm 2005, bà D đã chia cho các con, gồm: ông Phạm Đức M, Phạm Trường X, Phạm Quốc V, mỗi người một phần đất có diện tích 4m x 4m và những người này đã xây nhà ở cho đến nay.

2) Ông Phạm Quốc V trình bày:

Năm 1992, bà Nguyễn Thị D (mẹ ông V) mua mảnh đất có diện tích 4m x 20m tại 93/6/3 đường T, phường T1, quận T2, bà D để bà Phạm Thị Q (con gái) đại diện đứng kê khai quyền sử dụng đất.

Năm 2005, vợ chồng ông V ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có diện tích 4m x 4m với bà Phạm Thị Q, diện tích đất này thuộc một phần trong thửa đất tại 93/6/3 đường T, phường T1, quận T2, giá chuyển nhượng là 40.000.000 đồng, đã thanh toán xong, xây nhà ở cho đến nay.

Nhà của gia đình ông V ở đã được cấp số nhà là 93/6/3C và cũng đã được cấp hộ khẩu thường trú.

3) Ông Nguyễn Xuân H-đại diện được ủy quyền của ông Phạm Trường X và bà Lê Thị C trình bày:

Năm 1992, bà Nguyễn Thị D (mẹ ông X) có mua mảnh đất có diện tích 4m x 20m tại 93/6/3 đường T, phường T1, quận T2, bà Dậu để bà Phạm Thị Q đại diện đứng kê khai quyền sử dụng đất.

Ngày 22-12-2005, vợ chồng ông Xuân ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có diện tích 4m x 4m với bà Phạm Thị Q, diện tích đất này thuộc một phần trong thửa đất tại 93/6/3 đường T, phường T1, quận T2, giá chuyển nhượng là 40.000.000 đồng, đã thanh toán xong và xây nhà ở cho đến nay. Sau này, ông X mới biết bà Q tự ý làm giấy tờ nhà đất mà không hỏi ý kiến ông X.

Ngày 02-7-2007, Ủy ban nhân dân quận Tân Phú cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở cho bà Phạm Thị Q bao gồm cả diện tích đã bán cho ông X.

Ngày 21-8-2019, vợ chông ông X làm đơn khởi kiện bà Phạm Thị Q với yêu cầu:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3963/2007/UB.GCN của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú cấp cho bà Phạm Thị Q.

- Công nhận phần đất có diện tích 4m x4m và tài sản gắn liền với đất tại 93/6/3 đường T, phường T1, quận T2 là của ông Phạm Trường X và Lê Thị C.

Đơn kiện đã được Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý theo Thông báo thụ lý số 392/2019/TB-TLVA ngày 09-9-2019.

Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 11/KDTMPT ngày 01-02-2013 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP V và bà Phạm Thị Q.

4) Đại diện được ủy quyền của ông Phạm Đức M trình bày:

Năm 1992, bà Nguyễn Thị D (mẹ ông M) có mua mảnh đất có diện tích 4m x 20m tại 93/6/3 đường T, phường T1, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh, bà D để bà Phạm Thị Q đại diện đứng kê khai quyền sử dụng đất.

Ngày 22-12-2005, vợ chồng ông M ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có diện tích 4m x 4m với bà Phạm Thị Q, diện tích đất này thuộc một phần trong thửa đất tại 93/6/3 đường T, phường T1, quận T2 giá chuyển nhượng là 40.000.000 đồng, đã thanh toán xong và xây nhà ở cho đến nay.

Ngày 02-7-2007, Ủy ban nhân dân quận Tân Phú cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở cho bà Phạm Thị Q bao gồm cả diện tích đã bán cho ông Minh.

Để đảm bảo quyền lợi của mình, ông M đã gửi đơn đến Ủy ban nhân dân phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú và đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, ông Minh đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi cho ông M cùng vợ và các con ông hiện đang cư ngụ tại đây

5) Nguyên đơn trình bày:

Yêu cầu bà Phạm Thị Q trả cho Ngân hàng V số tiền là 2.238.369.452 đồng, gồm:

- Nợ vốn vay: 1.500.000.000 đồng;

- Lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 21-12-2012 là 738.369.452 đồng

Yêu cầu bà Q thanh toán số nợ trên làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực thi hành. Nếu bà Q không thanh toán thì yêu cầu phát mãi tài sản mà bà Q đã thế chấp cho ngân hàng là căn nhà số 93/6/3 đường T, phường T1, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh.

6) ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:***

1- Việc chấp hành pháp luật tố tụng

Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, Hội đồng xét xử đúng thành phần và phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

2- Xét nội dung kháng cáo:

- Thực hiện Hợp đồng tín dụng số 0100/2011/VIB.AC ngày 19-4-2011 thì Ngân hàng TMCP V-Phòng giao dịch A đã giải ngân cho bà Phạm Thị Q số tiền 1.500.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ ngày 20-4-2011. Tính đến ngày 18-7-2011, bà Q mới thanh toán cho ngân hàng số tiền lãi là 59.963.881 đồng nên khi hết thời hạn vay, ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Q thanh toán vốn vay và lãi phát sinh là phù hợp Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

- Đối với việc phát mãi tài sản thế chấp:

Theo bà Q trình bày thì phần nhà đất của bà được cấp giấy chứng nhận năm 2007 thì trước đó bà đã bán bằng giấy tay năm 2005 cho 03 người gồm: Ông Phạm Trường X-bà Lê Thị C, ông Phạm Đức M-bà Đào Thị Đ, ông Phạm Quốc V-bà Trịnh Thị Ngọc H, gia đình các ông bà này đã nhận đất và tự xây dựng nhà ở ổn định từ năm 2005 đến nay. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông M và ông X cung cấp giấy mua bán đất lập năm 2005, giấy ủy quyền của bà Nguyễn Thị D ủy quyền cho các con đất và để cho bà Q đại diện đứng kê khai.

Trong quá trình giải quyết phúc thẩm vụ kiện này thì ông Phạm Quốc V, bà Trịnh Thị Ngọc H làm đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán nhà tại Tòa án nhân dân quận Tân Phú và đã được giải quyết bằng bản án dân sự sơ thẩm số 45/2019/DS-ST ngày 19-3-2019.

Tại phiên tòa ngày 14-10-2019, ông Phạm Trường X và ông Phạm Đức M tham gia tố tụng với tư cách là người liên quan trình bày ý kiến phần đất mà bà Q bán cho hai người thì ông X và ông M cũng đã nhận và xây nhà từ năm 2005 đến nay, hiện đang nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Do ông X và ông M khởi kiện chưa được giải quyết nên không thể thi hành án trong trường hợp bà Q không thực hiện được việc trả nợ. Đồng thời vào thời điểm thế chấp thì không xác minh hiện trạng thực tế là phần nhà đất này có được

cấp theo đúng hiện trạng hay không để làm cơ sở cho việc thế chấp tài sản bảo đảm, ảnh hưởng đến quyền lợi của những người có liên quan khi thi hành án.

Đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ Khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015, chấp nhận kháng cáo, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 170/2012/KDTM-ST ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Toà án nhân dân quận Tân Phú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến tranh luận của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Q, ông Phạm Quốc V và bà Trịnh Thị Ngọc H nộp trong thời hạn qui định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

- Ngày 19-4-2011, Ngân hàng TMCP V và bà Phạm Thị Q ký Hợp đồng thế chấp tài sản: quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 0100/2011-VIBAC/BĐ, hợp đồng thế chấp có chứng nhận Phòng công chứng số 4 số 016260; quyển số 4/TP/CC-SCC/HĐGD và được đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Tân Phú ngày 20-4-2011.

- Tài sản thế chấp là Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 93/6/3 đường T, phường T1, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 3963/2007/UB.GCN do Ủy ban nhân dân quận Tân Phú cấp ngày 02-7-2007 cho bà Phạm Thị Q. Tài sản này để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự của Hợp đồng tín dụng số 0100/2011/VIB.AC ngày 19-4-2011.

- Tại Bản tự khai của bà Phạm Thi Q ngày ngày 03-5-2012 ; Bản tự khai của ông Phạm Quốc V ngày 27-8-2012; Bản tự khai của bà Lê Thi C ngày 27-8-2012; Bản tự khai của bà Đào Thị Đ ngày 27-8-2012; Bản tự khai của bà Phạm Thị Phương D ngày 27-8-2012 đều có nội dung khai: Năm 2005, bà Nguyễn Thị D có chia 80m2 đất làm 05 phần bằng nhau cho tất cả các người con, mỗi nền 4mx4m và mỗi người đã xây nhà riêng để ở. Năm 2007, anh chị em trong nhà đồng ý để bà Q đại diện làm thủ tục hợp thức hóa trong đó có các căn nhà đã xây dựng

- Kết quả xác minh của Công an quận Tân Phú ngày 31-10-2012 xác minh có 04 hộ gia đình thường trú tại 93/6/3 đường T, phường T1, quận T2.

- Ngày 08-11-2006, Ủy ban nhân dân quận Tân Phú ban hành Thông báo số 2815/TB-UBND về việc tạm cấp số nhà 93/6/3 đường T, phường T1, quận

T2 cho căn nhà xác định tại vị trí: 1 phần thửa 118, tờ 59 ĐCCQ 2005 theo bản vẽ hiện trạng do Công ty ADEC lập ngày 29-9-2006.

- Văn bản số 2957/UBND-TNMT (VP) ngày 20-12-2006 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú gửi ông Phạm Quốc V có địa chỉ tại 93/6/3 đường T, phường T1, quận T2 có nội dung nêu về tình trạng pháp lý căn nhà này do bà Phạm Thị Q đã sang nhượng cho ông bà Phạm Quốc V và Trịnh Thị Ngọc H bằng giấy tay.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã không xác minh để xác định những công trình xây dựng đã làm thay đổi hiện trạng tài sản so với thời điểm thế chấp nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong trường hợp phải phát mãi tài sản thế chấp.

Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 170/2012/KDTM-ST ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Toà án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; Giao hồ sơ cho Toà án nhân dân quận Tân Phú giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3]. Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hố Chí Minh:

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hố Chí Minh đề nghị hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 170/2012/KDTM-ST ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Toà án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

[4]. Về án phí:

- *Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:* được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

- *Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:* Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo được nhận lại tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp.

Vì các lẽ trên;
Căn cứ Khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Chấp nhận kháng cáo của các ông (bà): Phạm Thị Q, Phạm Quốc V và bà Trịnh Thị Ngọc H,

Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 170/2012/KDTM-ST ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Toà án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; Giao hồ sơ cho Toà án nhân dân quận Tân Phú giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2- Về án phí:

- *Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:* được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Bà Phạm Thị Q được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AH/2011/06279 ngày 07-1-2013 của Chi cục thi hành án Dân sự quận Bình Tân.

- Ông Phạm Quốc Việt và bà Trịnh Thị Ngọc H được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AH/2011/06263 ngày 03-1-2013 của Chi cục thi hành án Dân sự quận Bình Tân.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Ngọc Anh